TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 09/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 31-01-2018
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Nguyệt Ánh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Chí Tâm;

Bà Nguyễn Thị Ngọc Diễm.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Phan Thị Mỹ Dung – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An tham gia phiên tòa*:** Bà Đặng Thị Huyền - Kiểm sát viên

Ngày 31 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1070/2017/TLST - HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2017 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2018/QĐST - HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Phạm Tuấn A, sinh năm 1977; thường trú: Số 65/14, khu phố T, phường Đ, thị xã D, tỉnh B. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Chị Trần Thị Ngọc S, sinh năm 1976; thường trú: Số 75/14, khu phố T, phường Đ, thị xã D, tỉnh B. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 14 tháng 12 năm 2017 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn anh Phạm Tuấn Anh trình bày:

- *Về hôn nhân:* Anh Phạm Tuấn A và chị Trần Thị Ngọc S tìm hiểu nhau được 03 năm thì tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T (nay là phường Đ, thị xã D), tỉnh B theo giấy chứng nhận kết hôn số 62/KH/99, quyển số 01 ngày 26 tháng 7 năm 1999. Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống cùng gia đình bên chồng cho đến nay. Anh Phạm Tuấn A buôn bán thu nhập bình quân một tháng khoảng 6.000.000 đồng, chị Trần Thị Ngọc S buôn bán ở chợ nên không rõ thu nhập trung bình mỗi tháng bao nhiêu. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2015 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không có niềm tin cả hai đều nghi ngờ nhau có mối quan hệ với người khác nên vợ chồng không còn tình cảm và thường xuyên cãi nhau. Tháng 9/2017, chị S đã nộp đơn xin ly hôn nhưng trong thời gian suy nghĩ thì lại chủ động rút lại yêu cầu của mình. Nay vợ chồng không còn tình cảm nên đã sống ly thân từ được hơn 06 tháng. Anh Phạm

Tuấn A xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu tòa án giải quyết cho anh ly hôn với chị Trần Thị Ngọc S.

- *Về con chung:* Quá trình chung sống vợ chồng anh có 02 con chung tên Phạm Tuấn H, sinh ngày 29/8/1999 và Phạm Thanh V , sinh ngày 07/01/2003 hiện đang sống cùng chúng tôi. Sau khi ly hôn, anh Phạm Tuấn A yêu cầu được nuôi dưỡng con chung Phạm Thanh V và không yêu cầu chị S cấp dưỡng nuôi con. Đối với con Phạm Tuấn H đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

- *Về tài sản chung:* Anh Phạm Tuấn A và chị Trần Thị Ngọc S tự thỏa thuận không yêu cầu tòa án giải quyết.

- *Nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung):* Anh Phạm Tuấn A và chị Trần Thị Ngọc S tự thỏa thuận không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 29/12/2017 bị đơn chị Trần Thị Ngọc S trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Trước khi kết hôn, anh Phạm Tuấn A và chị Trần Thị Ngọc S có thời gian tìm hiểu nhau khoảng 03 năm, sau đó tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn vào năm 1999. Sau khi kết hôn, anh A và chị S sinh sống cùng gia đình anh A tại 65/14, khu phố T, phường Đ, thị xã D, tỉnh B. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến khoảng năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn do chị S nghi ngờ anh A không chung thủy, vợ chồng thường xuyên cãi nhau nên chị S bỏ về nhà mẹ sống và anh chị ly thân từ tháng 6/2017 cho đến nay. Do tình cảm vợ chồng không còn nên anh A yêu cầu ly hôn, chị S đồng ý.

- Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung tên: Phạm Tuấn H, sinh ngày 29/8/1999 và Phạm Thanh V , sinh ngày 07/01/2003 hiện đang sống cùng chị S. Anh A yêu cầu nuôi con chị S đồng ý và không cấp dưỡng nuôi con . Đối với con Phạm Tuấn H đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An tham gia phiên tòa:

+ Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã được thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình trong quá trình giải quyết vụ án.

+ Về nội dung: Căn cứ các Điều 56, 81,82, 83 Luật Hôn nhân gia đình, có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Tuấn A.

+ Về con chung đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung Phạm Thanh V sinh ngày 07/01/2003 cho anh A trực tiếp nuôi dưỡng và ghi nhận sự tự nguyện của anh A không yêu cầu chị S cấp dưỡng nuôi con.

PHẦN NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An nhận định:

[1] Về điều kiện thụ lý vụ án: Anh Phạm Tuấn A có đơn yêu cầu giải quyết việc hôn nhân và con chung giữa anh với chị Trần Thị Ngọc S, cả hai hiện đang sinh sống tại phường Đ, thị xã D, tỉnh B. Vì vậy, đây là vụ án tranh chấp ly hôn, nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Sự vắng mặt của đương sự: Ngày 16/01/2018, anh Phạm Tuấn A và chị Trần Thị Ngọc S có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 227 và 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt anh A và chị S.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Tuấn A và chị Trần Thị Ngọc S là vợ chồng có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 62/KH/99, quyển số 01 vào ngày 26 tháng 7 năm 1999 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T (nay là phường Đ, thị xã D) nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Anh Phạm Tuấn A cho rằng mâu thuẫn giữa vợ chồng anh chị là do không còn yêu thương và tin tưởng nhau, dẫn đến anh chị thường xuyên cãi nhau. Chị S cũng thừa nhận tình cảm giữa anh và chị đã không còn. Mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc; để đạt được mục đích đó vợ chồng phải thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ và tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt. Chị S và anh A đã có thời gian ly thân từ giữa năm 2017, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc nhau, cả hai đều thừa nhận không còn tình cảm với nhau, điều này chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa chị S, anh A đã trầm trọng, mục đích của cuộc hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của anh A là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị S và anh A có 02 con chung tên Phạm Tuấn H, sinh ngày 29/8/1999 và Phạm Thanh V, sinh ngày 07/01/2003, hiện nay đang ở cùng anh A. Chị S đồng ý giao con cho anh A nuôi dưỡng và anh A cũng không yêu cầu chị S cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, từ khi chị S, anh A sống ly thân đến nay, cháu Phạm Thanh V đều do anh A trực tiếp nuôi dưỡng, đồng thời cháu V cũng có nguyện vọng được sống cùng ba. Vì vậy, yêu cầu được nuôi con của anh A là hoàn toàn phù hợp và việc này chị S cũng đồng ý nên có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Về cấp dưỡng nuôi con ghi nhận sự tự nguyện của anh A không yêu cầu chị S cấp dưỡng nuôi con. Đối với con Phạm Tuấn H đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Anh A và chị S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Từ những phân tích trên, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An là có cơ sở chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh A phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, các Điều 271, 273, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 15, 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Tuấn A đối với chị Trần Thị Ngọc S.

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Tuấn A được ly hôn với chị Trần Thị Ngọc S (Theo giấy chứng nhận kết hôn số 62/KH/99 quyển số 01 ngày 26 tháng 7 năm 1999 do UBND xã Đ, huyện T (nay là phường Đ, thị xã D), tỉnh B cấp).

- *Về con chung:* Giao con chung tên Phạm Thanh V , sinh ngày 07/01/2003 cho anh Phạm Tuấn A trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của anh A không yêu cầu chị Son cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn anh Phạm Tuấn A và chị Trần Thị Ngọc S đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Anh A phải tạo điều kiện cho chị S trong việc thăm nom, chăm sóc con. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung):* Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm : Anh Phạm Tuấn A phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn , được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0018650 ngày 19 tháng 12 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết ./.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh BD;
- VKSND thị xã Dĩ An;
- Chi cục THA DS thị xã Dĩ An;
- UBND P. Đông Hòa, TX. Dĩ An;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phan Thị Nguyệt Ánh